

KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG NĂM 2024

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định 348/QĐ-TTg ngày 6/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 21/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ, quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-BTTTT ngày 20/01/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về định hướng phát triển ngành Thông tin và Truyền thông năm 2023 và giai đoạn 2024 – 2025;

Căn cứ Chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 75-KH/TU ngày 30/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý, chấn chỉnh hoạt động báo, tạp chí, trang thông tin điện tử, mạng xã hội trong giai đoạn hiện nay trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1762/QĐ-BTTTT ngày 21/9/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-BTTTT ngày 28/3/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch hành động năm 2023 triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển thông tin truyền thông tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-UBND, ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Đề án tổ chức, hoạt động Thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2018 – 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh An Giang về việc Phê duyệt Khung Đề án “An Giang điện tử” giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3721/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2021 và giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 29/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chương trình số 553/Ctr-UBND ngày 09/9/2021 Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 07/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 890/KH-UBND ngày 28/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 420/KH-UBND ngày 25/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Thực hiện Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ văn bản số 720/UBND-TH ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc hướng dẫn các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh xây dựng Kế hoạch phát triển ngành năm 2024;

Sở Thông tin và Truyền thông An Giang xây dựng Kế hoạch phát triển ngành thông tin và truyền thông năm 2024 (đợt 2), với những nội dung chủ yếu như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023

1. Những tồn tại đầu kỳ trước khi xây dựng Kế hoạch năm 2023

Tình hình thông tin giả, thông tin sai sự thật,... trên môi trường mạng internet, nhất là mạng xã hội diễn ra phức tạp, khó quản lý gây hoang mang trong một bộ phận nhân dân. Bên cạnh đó, thông tin chính thống, thông tin tích cực chưa được cộng đồng, người sử dụng mạng xã hội quan tâm, chia sẻ đúng mức.

Công tác phát ngôn cung cấp thông tin cho báo chí của một số cơ quan, đơn vị chưa thường xuyên.

Việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng ngành thông tin và truyền thông chủ yếu là nguồn vốn của các tập đoàn, tổng công ty có chi nhánh trên địa bàn tỉnh đầu tư.

Hạ tầng viễn thông giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong hạ tầng số và chuyển đổi số. Tuy nhiên, còn gặp một số vướng mắc như: chưa ban hành được quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; việc duy trì và phát triển các trạm thu phát sóng di động trên tài sản công chưa có hướng dẫn cụ thể từ Trung ương để địa phương thực hiện.

Việc cấp chữ ký số cho cán bộ thực hiện TTHC tại Trung tâm hành chính công và Bộ phận một cửa còn chậm, chưa đảm bảo tiến độ để thực hiện số hóa hồ sơ theo qui định.

Đối với Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số (DTI), chưa rõ nội dung mục 8.8.3.1. Mức độ hài lòng với việc xử lý phản ánh qua Cổng DVC về Số lượng người dân đánh giá hài lòng của Tiêu chí về Hoạt động xã hội số.

Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) của tỉnh còn thấp; kinh phí thực hiện chuyển đổi số lớn, trong khi nguồn lực của tỉnh còn nhiều hạn chế; Chỉ số đánh giá mức độ an toàn thông tin của tỉnh cũng còn thấp.

Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin luôn được quan tâm, tuy nhiên trang thiết bị phục vụ cho công tác đảm bảo an toàn thông tin chưa có nên ảnh hưởng đến công tác chủ động rà quét phòng ngừa mất an toàn thông tin.

Xếp hạng về Chuyển đổi số cấp tỉnh còn ở mức thấp (năm 2020: 29/63; năm 2021 xếp 42/63; năm 2022 xếp 54/63 theo đánh giá DTI của BTTTT).

Nông sản, sản phẩm OCOP của An Giang trên sàn TMĐT chưa nhiều.....Các tiêu chí NTM giải quyết TTHC trên môi trường mạng, một số Xã lơ là trong duy trì chỉ số.

2. Ước tình hình thực hiện năm 2023

2.1. *Hiện trạng ngành Thông tin và Truyền thông*

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh An Giang không có Nhà xuất bản. Hoạt động xuất bản chủ yếu là xuất bản tài liệu không kinh doanh phục vụ tuyên truyền nhiệm vụ chính trị do Sở TTTT cấp phép. Có 08 cơ sở in có được cấp giấy phép hoạt động in. Có 3 cơ sở phát hành xuất bản phẩm.

Có 32 doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát hoạt động trên địa bàn tỉnh; 129 điểm bưu điện văn hóa xã, 01 thùng thư công cộng.

Hiện có 09 doanh nghiệp có triển khai hạ tầng viễn thông và đang cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn tỉnh (Gtel, MobiFone, VNPT, Viettel, Vietnamobile, Viễn thông FPT, Truyền hình cáp SCTV, Truyền hình cáp VTV, HTC-ITC), 03 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động trên nền mạng ảo (Itel, Wintel, Asim), tuân thủ theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 69,25%. Tỷ lệ phủ sóng mạng băng rộng cố định, 3G/4G đạt 100% các xã toàn tỉnh; Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang chiếm trên 77,77%. Đang khuyến khích các doanh nghiệp đăng ký với tập đoàn/tổng công ty triển khai 5G tại An Giang. Đồng thời, theo dõi, chỉ đạo các đơn vị triển khai lộ trình tắt sóng 2G trên địa bàn tỉnh đến năm 2024.

Thực hiện Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Thông tư số 12/2022/TTBTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, đến nay, đã phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin của 37/39 hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh đạt tỷ lệ 94,8% (15 hồ sơ cấp độ 1; 04 hồ sơ cấp độ 3 và 18 hồ sơ cấp độ 2).

2.2. *Kết quả thực hiện 08 tháng đầu năm 2023*

Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Sở Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch¹ Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 và phân công nhiệm vụ cho từng đơn vị. Với mục tiêu tiếp tục phát huy mạnh mẽ những thành tựu, kết quả đáng ghi nhận trong năm qua của ngành thông tin và truyền thông cho năm 2023, đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số tỉnh An Giang; củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp, tạo nền tảng vững chắc để người dân được thụ hưởng thành quả của công cuộc chuyển đổi số, để Tỉnh phát triển nhanh và bền vững.

Công tác thông tin, truyền thông đối với các nhiệm vụ chính trị, sự kiện quan trọng của tỉnh tiếp tục được thực hiện tốt, tạo sự lan tỏa sâu, rộng đến cộng đồng trong và ngoài tỉnh, góp phần tạo sự phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, điển hình như: truyền thông Lễ công bố Nghị quyết số 721/NQUBTVQH15 ngày 13/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập thị xã Tịnh Biên các phường thuộc thị xã Tịnh Biên;

¹ Số 40/KH-STTTT ngày 15/3/2023

Lễ công bố mở mới cửa khẩu quốc tế đường bộ Vĩnh Xương và hợp nhất với cửa khẩu quốc tế đường sông Vĩnh Xương thành cửa khẩu quốc tế đường bộ và đường sông Vĩnh Xương, tỉnh An Giang; Lễ khởi công dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Sóc Trăng - Cần Thơ giai đoạn 1 theo hình thức trực tuyến tại 4 tỉnh: An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng; Truyền thông các hoạt động Lễ Kỷ niệm 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng (20/8/1888 – 20/8/2023).

Quản lý nhà nước về báo chí: tăng cường công tác quản lý nội dung thông tin trên báo chí, truyền thông nhằm kịp thời phát hiện, xử lý tốt thông tin, nhằm hạn chế thấp nhất những vụ việc phức tạp có thể xảy ra khủng hoảng truyền thông; tiếp tục hỗ trợ hoạt động của cơ quan báo chí trong tỉnh thông qua việc đặt hàng sản xuất các chương trình phục vụ nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền thiết yếu, mua báo xuân; Tính đến nay, các cơ quan báo chí trong và ngoài tỉnh đã đăng tải hơn 4.000 tin, bài phản ánh hoạt động của lãnh đạo tỉnh, thông tin sự kiện diễn ra, thông tin về tình hình kinh tế xã hội trên bản tỉnh An Giang. Tỷ lệ thông tin tích cực đạt 45%, thông tin tiêu cực chiếm tỷ lệ 2%.

Quản lý nhà nước về phát thanh – truyền hình; thông tin điện tử: tập trung tuyên truyền cho cộng đồng trong tỉnh nhằm nâng cao nhận thức pháp luật, kỹ năng ứng xử, sử dụng, chia sẻ thông tin trên mạng internet, mạng xã hội; tăng cường quản lý thông tin trên mạng; thực hiện kiểm tra hoạt động đối với các trang thông tin điện tử tổng hợp; rà soát các trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo không bị cài cắm thông tin xấu, độc...

Quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại: hoạt động thông tin đối ngoại của tỉnh trong thời gian tập trung tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh của tỉnh An Giang ra bên ngoài; truyền thông về chủ trương, quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, cơ chế, chính sách của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương cho cộng đồng trong và ngoài tỉnh nắm; tập trung tuyên truyền về quyền con người; tuyên truyền pháp luật, chủ quyền biển, đảo của Việt Nam...

Quản lý nhà nước về xuất bản – in – phát hành: Hoạt động xuất bản tập trung xuất bản các tài liệu có nội dung tuyên truyền, cổ vũ thực hiện nhiệm vụ chính trị; tuyên truyền về cơ chế, chính sách pháp luật của nhà nước trong các ngành, lĩnh vực; các cơ sở in, phát hành tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định pháp luật chuyên ngành về hoạt động in, phát hành.

Quản lý nhà nước về thông tin cơ sở: tập trung triển khai, vận hành thử nghiệm hệ thống thông tin nguồn để kết nối, quản lý dữ liệu, thông tin; thường xuyên chỉ đạo, định hướng nội dung tuyên truyền cho hệ thống đài truyền thanh cấp xã, phường, thị trấn, điển hình như: tuyên truyền sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh đối với công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh nhằm giảm thiểu tối đa tác hại ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân và nền kinh tế; sự chỉ đạo của UBND tỉnh kiên quyết, kiên trì trong công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên các tuyến biên giới và địa bàn nội địa; các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường; tập trung cung cấp thông tin thiết yếu theo quy định cho người dân ở tuyến cơ sở...

Triển khai Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh về Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang: Tính đến nay, đã phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các đơn vị có liên quan rà soát được 39.242 hộ (trong đó có 14.872 hộ nghèo, 24.370 hộ cận nghèo) đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập năm 2023.

Theo dõi, quản lý hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh thông qua việc theo dõi, chỉ đạo công tác chỉnh trang cáp thông tin trên các tuyến đường đô thị, công trình xây dựng có liên quan; theo dõi hướng dẫn công tác triển khai xây dựng trạm thu phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh của các doanh nghiệp viễn thông; công tác kiểm tra công trình tháp truyền thông (đài truyền hình, đài truyền thanh, trạm thu phát sóng thông tin di động) trong mùa mưa bão, các công trình có dấu hiệu mất an toàn, có nguy cơ sụp đổ trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tiếp đoàn kiểm tra của Bộ Quốc phòng kiểm tra kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 21/2019/NĐ-CP ngày 22/02/2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ.

Tiếp tục vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang và tiếp nhận phản ánh kiến nghị người dân.

Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cung cấp đầy đủ thông tin về thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Tính từ đầu năm đến nay, cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đã cung cấp tổng số 2.120 dịch vụ, trong đó: Số lượng DVCTT một phần: 1.112; Số lượng DVCTT toàn trình: 1.008 DVC; Tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước hạn và đúng hạn: 98,9%.

Thực hiện kết nối chính thức liên thông hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với hệ thống phần mềm dịch vụ công liên thông đối với 02 nhóm dịch vụ công liên thông: (1) Đăng ký khai sinh – Đăng ký thường trú – Cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi và (2) Đăng ký khai tử – Xóa đăng ký thường trú – Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng trên địa bàn tỉnh An Giang và tổ chức Hội nghị tập huấn hướng dẫn thực hiện hồ sơ trực tuyến 02 nhóm dịch vụ công liên thông nêu trên.

Đã tổ chức tập huấn cho hơn 400 cán bộ, công chức phụ trách kiểm soát TTHC Văn phòng UBND tỉnh, Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Cán bộ, công chức tại bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã quy trình nghiệp vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Theo đó, từ ngày 12/4/2023, bắt đầu khai thác, sử dụng thử nghiệm Hệ thống số hóa số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

Triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ: Đã thành lập Bộ phận đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng thuộc Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh An Giang nhằm tổ chức triển khai công tác kiểm tra, hướng dẫn việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng thuộc Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh. Đã thực hiện kết nối, tích hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với 08/25 dịch vụ công thiết yếu vào bước tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra danh tính công dân và tự động điền thông tin công dân vào biểu mẫu thông tin người nộp hồ sơ trên

hệ thống khi kiểm tra có dữ liệu trong CSDL quốc gia về dân cư. Đồng thời Sở Thông tin và Truyền thông đã có văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang. Hiện tại, Sở Thông tin và Truyền thông đang triển khai các thủ tục để thực hiện nâng cấp Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh An Giang đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia về dân cư.

Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh An Giang ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2023 (Quyết định số 88/QĐ-BCĐ ngày 29/6/2023). Bên cạnh đó, Sở cũng đã thực hiện hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương đăng ký thi đua Chuyển đổi số năm 2023.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành “Kế hoạch Ứng phó sự cố, bảo đảm An toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2023” (số 687/KH-UBND ngày 08/8/2023).

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 420 /KH-UBND ngày 25/5/2023 triển khai thực hiện Quyết định 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 – 2025, trên địa bàn tỉnh An Giang.

Phối hợp với Công an tỉnh xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Thực hiện 100% các cuộc thanh, kiểm tra theo Kế hoạch.

Tính đến nay, đã tiến hành rà soát 18 nhóm, trang thông tin trên mạng xã hội về nội dung báo hoá, các điều cấm trên mạng xã hội. Kết quả chưa phát hiện vi phạm.

Đã thực hiện hỗ trợ ngăn chặn, cung cấp thông tin 01 số điện thoại lừa đảo, quấy rối, 22 tài khoản mạng xã hội và 05 trang thông tin điện tử thông tin sai sự thật, cá cược, đánh bạc, nói xấu, bôi nhọ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tổ chức; lừa đảo, chiếm đoạt tài sản.

Công tác phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu được các đơn vị, doanh nghiệp trong ngành tổ chức triển khai đầy đủ đã đảm bảo an toàn các công trình bưu chính, viễn thông, nhà trạm, ... đảm bảo thông tin liên lạc trong mọi tình huống.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NĂM 2024

1. Bối cảnh xây dựng Kế hoạch phát triển ngành thông tin và truyền thông năm 2024

Công cuộc Chuyển đổi số quốc gia do ngành TTTT chủ trì xây dựng và triển khai thực hiện ngày càng được lan tỏa sâu rộng trên phạm vi toàn quốc. Các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tiếp tục khẳng định được vai trò tiên phong trong nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo, làm chủ công nghệ, đóng góp quan trọng vào quá trình thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia và đổi mới sáng tạo, xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế số, xã hội số thiết thực, hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm để góp phần hiện thực hóa khát vọng vì một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng.

Truyền thông, báo chí đã góp phần truyền tải ra thế giới những thông tin sinh động, đa chiều về đất nước, con người Việt Nam ổn định, thân thiện, năng động và giàu tiềm năng phát triển.

Song song đó, vẫn tồn tại những khó khăn, thử thách khi sự phát triển nhanh chóng của các nền tảng mạng xã hội đã ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan báo chí trong tỉnh, theo đó người dân tiếp cận các tin giả, tin sai sự thật trên không gian mạng ngày càng dễ dàng, đã gây tâm lý hoang mang trong quần chúng, gây khó khăn cho công tác theo dõi và xử lý thông tin trên mạng xã hội.

Bên cạnh đó, tỉnh An Giang hiện nay chưa có quy hoạch hạ tầng viễn thông; một số điểm phục vụ bưu chính ngưng hoạt động; doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã tham gia chuyển đổi số còn hạn chế; nguồn nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng chưa nhiều; kinh phí hàng năm cho hoạt động công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng chưa ổn định, các yếu tố này đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của ngành.

2. Mục tiêu của ngành, lĩnh vực trong năm 2024

Tiếp tục triển khai đầy đủ, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước, phát triển các lĩnh vực: báo chí; phát thanh, truyền hình; thông tin điện tử; thông tin đối ngoại; xuất bản, in, phát hành; bưu chính; viễn thông; ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số; an toàn thông tin mạng. Tăng cường truyền thông làm lan tỏa sâu, rộng về hình ảnh tích cực của tỉnh An Giang.

Tập trung triển khai Chương trình Chuyển đổi số 553/Ctr-UBND ngày 09/9/2021 tỉnh An Giang; Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên 03 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; phát triển xã hội điện tử an toàn, an ninh, lành mạnh. Các nhiệm vụ, dự án, chương trình trọng tâm của Bộ, ngành, Trung ương. Tập trung triển khai các nhiệm vụ theo Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập trung triển khai hiệu quả 03 Chương trình Mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 của ngành thông tin và truyền thông trong năm 2024.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Kế hoạch thanh, kiểm tra năm 2024. Phối hợp với các ngành, địa phương, tổ chức đoàn thể, hội, hiệp hội và doanh nghiệp tăng cường kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho nhà nước, người dân.

3. Các chỉ tiêu cụ thể

3.1. Chỉ tiêu lĩnh vực Thông tin, truyền thông

100% cán bộ làm công tác thông tin cơ sở cấp huyện và cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ để khai thác, biên soạn tài liệu, lưu trữ thông tin, quản lý và vận hành thiết bị kỹ thuật hiện đại phù hợp với vị trí việc làm.

70% Đài Truyền thanh cấp huyện và 100% đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT vào quản trị và vận hành hệ thống truyền thanh (Truyền thanh thông minh).

Tỷ lệ hộ xem được Đài truyền hình VN: 100%.

Tỷ lệ hộ nghe được Đài tiếng nói VN: 100%.

Tỷ lệ hộ có phương tiện nghe, nhìn: 100%.

Tỷ lệ hệ thống truyền thanh cơ sở phủ sóng khu dân cư đạt 90%.

3.2. Doanh thu Viễn thông, Bưu chính, Công nghệ thông tin, Báo chí, in, phát hành, bình quân các lĩnh vực, tăng trưởng trên 10%/ năm.

3.3. Chỉ tiêu lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông và tần số vô tuyến điện

Phân đầu 100% xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ và 100% điểm có kết nối Internet;

Tỷ lệ hộ gia đình có đường internet cáp quang băng rộng đạt 80%;

Số thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt tỷ lệ 70%;

Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân đạt tỷ lệ 23%;

Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 75%.

3.4. Chỉ tiêu lĩnh vực Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số

Cải thiện xếp hạng tổng thể chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh An Giang.

100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình (đủ điều kiện) được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

100% các giao dịch trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC được xác thực điện tử.

100% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử từ cấp xã, cấp huyện đến cấp tỉnh được xác thực danh diện tử thông suốt và hợp nhất với hệ thống thông tin các cấp chính quyền.

Trên 95% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.

100% thông tin quy hoạch được cập nhật, công bố, công khai cho người dân trên cổng thông tin, hệ thống công bố thông tin.

Phân đầu 50% hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa.

100% cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước được tuyên truyền, cập nhật kiến thức an toàn – an ninh thông tin.

Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt trên 80%.

Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 50%.

Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục đạt 50% (không áp dụng đối với dữ liệu phục vụ công tác quân sự, quốc phòng).

Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa đạt 30%.

Tỷ lệ CQNN hoàn thiện Chính quyền điện tử đạt 70%.

Phân đầu 100% các hệ thống thông tin của các tổ chức được phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn thông tin theo Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT của Bộ Thông

tin và Truyền thông về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; 30% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số đạt 90%.

Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số đạt 30%.

3.5. Thực hiện tốt công tác thanh, kiểm tra định kỳ, đột xuất ngành thông tin và truyền thông, đảm bảo 100% theo Kế hoạch.

4. Định hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

4.1. Về Thông tin, truyền thông

Tham mưu công tác quản lý nhà nước: thực hiện đầy đủ, thường xuyên các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong các lĩnh vực quản lý đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể:

- Lĩnh vực báo chí:

+ Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Tiếp tục tham mưu thực hiện cơ chế đặt hàng cho các cơ quan báo chí trong và ngoài tỉnh sản xuất các sản phẩm truyền thông để tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá hình ảnh của tỉnh và tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị thiết yếu phục vụ nhân dân.

+ Tập trung quản lý nội dung thông tin trên các cơ quan báo chí trong và ngoài tỉnh đảm bảo đúng định hướng chính trị, đúng tôn chỉ, mục đích theo quy định; kiểm soát thông tin tích cực, tiêu cực, chủ động xử lý khủng hoảng truyền thông có hiệu quả.

+ Tổ chức phát động phong trào thi đua trong hoạt động báo chí trên địa bàn tỉnh.

+ Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức làm công tác quản lý báo chí, phóng viên, nhà báo của các cơ quan báo chí trong tỉnh.

+ Tham mưu giải pháp tăng cường hiệu quả công tác phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Lĩnh vực tuyên truyền:

+ Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông chính sách.

+ Bám sát sự chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương để kịp thời định hướng nội dung, chỉ đạo tuyên truyền đối với các nhiệm vụ chính trị quan trọng của Trung ương và của tỉnh, làm cho chủ trương, cơ chế, chính sách được chuyển tải nhanh chóng, kịp thời, thông suốt đến tận người dân ở cơ sở.

+ Chủ trì làm đầu mối, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND huyện tham mưu UBND tỉnh xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu nhằm tổng hợp thông tin để phục vụ hoạt động cung cấp thông tin thường xuyên, định kỳ cho các cơ quan báo chí trong và ngoài tỉnh.

+ Tham mưu triển khai công tác truyền thông chính sách tại địa phương; thông tin, tuyên truyền nâng cao hiệu quả và sự đồng thuận của người dân, chú trọng và tập trung công tác truyền thông, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước. Tuyên truyền và dẫn dắt, định hướng các mô hình hay, gương người tốt, việc tốt, cách làm mới và hiệu quả, góp phần truyền cảm hứng, tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp và thị trường; kịp thời phản bác, chấn chỉnh, đấu tranh với các luận điệu sai trái; triệt phá, gỡ bỏ các thông tin xấu độc, không đúng sự thật; từng bước tạo văn hóa số trên mạng.

- Lĩnh vực phát thanh – truyền hình, thông tin điện tử:

+ Tăng cường tuyên truyền bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội, cảnh nang phòng chống tin giả, tin sai sự thật trên không gian mạng, các quy định pháp luật về quản lý, chia sẻ thông tin trên mạng xã hội, các quy định về chế tài xử phạt vi phạm hành chính trên mạng xã hội ... nhằm xây dựng chuẩn mực đạo đức về hành vi, ứng xử trên mạng xã hội, giáo dục ý thức, tạo thói quen tích cực trong các hành vi ứng xử của người dùng trên mạng xã hội.

+ Tập trung tham mưu đẩy mạnh việc sử dụng mạng xã hội để làm kênh thông tin, tuyên truyền chính thống đối với cơ quan hành chính nhà nước. Tham mưu ban hành quy định, quy chế, hướng dẫn về quản lý hoạt động của các tài khoản mạng xã hội của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

+ Tăng cường sử dụng các công cụ, phần mềm công nghệ thông tin để quản lý, giám sát thông tin trên môi trường mạng internet, mạng xã hội; kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định đối với các hành vi cố tình lợi dụng mạng internet, mạng xã hội đưa thông tin sai lệch, phiến diện, thiếu kiểm chứng, thông tin giả, sai sự thật, xuyên tạc, thù địch.

+ Tăng cường công tác theo dõi, giám sát, xử lý thông tin vi phạm trên mạng và tình trạng “báo hóa” trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội.

- Lĩnh vực thông tin đối ngoại:

+ Đẩy mạnh tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá hình ảnh của tỉnh An Giang; tuyên truyền quyền con người; chủ quyền biên giới, lãnh thổ, biển, đảo của Việt Nam...trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Triển khai có hiệu quả Chương trình phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh trong công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại ở khu vực biên giới; tập trung thông tin đối ngoại với nước bạn Campuchia.

+ Tập trung triển khai Đề án tuyên truyền về nhân quyền trên địa bàn tỉnh.

- Lĩnh vực xuất bản – in – phát hành:

+ Tăng cường quản lý hoạt động của các cơ sở in, photocopy, cơ sở phát hành đảm bảo quy định của pháp luật.

+ Nghiên cứu, tham mưu nhiệm vụ thúc đẩy hoạt động xuất bản tài liệu tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ cho hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Hướng dẫn, triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược thúc đẩy phát triển lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm giai đoạn 2021 – 2025 của Bộ TTTT trên địa bàn tỉnh.

- Lĩnh vực thông tin cơ sở:

+ Tham mưu UBND tỉnh triển khai Chiến lược phát triển thông tin cơ sở của tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025.

+ Tập trung tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức nhằm nâng cao nhận thức, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong lĩnh vực thông tin, tuyên truyền đáp ứng tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

+ Tiếp tục thực hiện tốt việc truyền thông và vận hành các Cụm thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý.

+ Triển khai vận hành, kết nối hệ thống thông tin nguồn của tỉnh với hệ thống thông tin nguồn Trung ương.

4.2. Về Bưu chính

Đầu tư phát triển hạ tầng bưu chính, phấn đấu tăng trưởng duy trì trên 30%; Tập trung 3 lĩnh vực: Logistics, TMĐT, dịch vụ công. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào các lĩnh vực hoạt động bưu chính.

Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để khuyến khích đổi mới, sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực bưu chính, góp phần phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Cải cách hành chính; Dịch vụ hành chính công qua mạng bưu chính công ích; Triển khai việc giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc tại Quyết định số 468/QĐ-TTg.

4.3. Về Viễn thông, tần số vô tuyến điện

Tập trung triển khai các dịch vụ chuyển đổi số, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; Tăng cường quản lý nhà nước thuê bao trả trước, an toàn, an ninh mạng;... Các doanh nghiệp Viễn thông trong tỉnh là lực lượng nòng cốt trong triển khai CPĐT, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; An toàn và an ninh thông tin. Tiếp tục triển khai chương trình viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy các doanh nghiệp sớm tắt sóng 2G theo lộ trình triển khai hạ tầng mạng thông tin di động 5G trên địa bàn tỉnh.

Triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 đáp ứng mục tiêu phổ cập truy cập dịch vụ băng rộng. Phổ cập các dịch vụ viễn thông công ích một cách hiệu quả trên cơ sở tăng cường hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông tại các khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông và hỗ trợ cho các hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

4.4. Về Công nghiệp công nghệ thông tin (ICT)

Phối hợp, hỗ trợ hoàn thành Khu công nghệ thông tin tập trung (ICT).

Nghiên cứu, tham mưu việc trở thành thành viên Chuỗi Khu Công viên phần mềm Quang Trung (Chuỗi QTSC).

4.5. Về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số

Phổ cập kiến thức tin học ứng dụng; an toàn, an ninh thông tin từ hệ thống chính trị ra cộng đồng thông qua các tổ chức chính trị, xã hội và giáo dục phổ thông; qua đó hình thành thể hệ công dân điện tử, là nền tảng quyết định của xã hội điện tử phát triển, xã hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Tiếp tục triển khai Đề án An Giang điện tử; Chương trình Chuyển đổi số tỉnh An Giang trên 03 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; phát triển xã hội điện tử an toàn, an ninh, lành mạnh. Tập trung vận hành “Trung tâm giám sát, điều hành thông minh” (IOC) tỉnh An Giang; thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 về phát triển chính phủ điện tử của năm 2021; đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào tất cả các ngành, lĩnh vực của tỉnh; Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020; Chính phủ điện tử theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp để tạo được sự đồng thuận, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và xã hội trên địa bàn tỉnh.

Triển khai nhanh các nhiệm vụ của Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh, nhiệm vụ số hóa và công dự liệu mở; tập trung xây dựng hoàn thiện Trung tâm dữ liệu, điều hành thông minh của tỉnh.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong cải cách hành chính hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển kinh tế số, xã hội số.

Triển khai các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số cụ thể: (1) Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh An Giang; (2) Kế hoạch triển khai nhiệm vụ về Chuyển đổi số, Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh An Giang hằng năm; (3) Kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người lao động, người dân về chuyển đổi số. Kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin hiện có; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để đội ngũ này trở thành các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật nòng cốt tham mưu, giúp việc cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số.

Tăng cường mở rộng hợp tác, liên kết với các tập đoàn, công ty viễn thông, công nghệ thông tin, doanh nghiệp số để tư vấn, hỗ trợ và cung cấp giải pháp, dịch vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Có giải pháp sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực Nhà nước trong thực hiện chuyển đổi số.

Phát huy mạnh mẽ vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương trong việc tuyên truyền, Tổ công nghệ số cộng đồng là cánh tay nối dài của chính quyền để thực hiện hướng dẫn cho người dân sử dụng các nền tảng số phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại địa phương; thực hiện tốt công tác tuyên truyền việc triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh để người dân hiểu và hưởng ứng.

Phối hợp với Bộ, ngành Trung ương hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành với Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

Tiếp tục tích hợp dịch vụ công trực tuyến toàn trình với Cổng dịch vụ công quốc gia.

Triển khai Dự án Trung tâm dữ liệu, điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang; Dự án Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực, giai đoạn 2021 – 2025.

Phối hợp với Bộ, ngành Trung ương hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. Đảm bảo duy trì, vận hành ổn định mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, nhà nước kết nối đến các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh phục vụ Chính phủ số.

Tiếp tục triển khai Vpostcode hỗ trợ người dân trong truy xuất nguồn gốc các sản phẩm (tích hợp Vpostcode vào các bao bì, nhãn mác, ...).

Khai thác hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa.

Tiếp tục tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp các nội dung về Chính phủ số, Khung kiến trúc và đảm bảo an toàn, an ninh mạng; triển khai công tác đào tạo, tập huấn đảm bảo an toàn an ninh thông tin trên không gian mạng cho cán bộ chuyên trách CNTT, thành viên Đội ứng cứu đảm bảo đủ năng lực ứng cứu, xử lý kịp thời tình huống mất an toàn, an ninh thông tin.

Tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, đôn đốc, công bố kết quả, đẩy mạnh ứng dụng các phần mềm đã triển khai ở các cấp, đảm bảo hầu hết văn bản đến, đi của các sở, ngành tỉnh và cấp huyện được xử lý trên phần mềm; 100% sở ngành có dịch vụ hành chính công và UBND cấp huyện, cấp xã ứng dụng hiệu quả phần mềm một cửa, tích hợp thông tin tình trạng hồ sơ vào trang một cửa trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng DVC Quốc gia, để hỗ trợ các cá nhân và tổ chức trong việc tra cứu tình trạng hồ sơ khi gửi hồ sơ tại các sở, ngành và UBND huyện, thị, thành có ứng dụng phần mềm quản lý một cửa.

Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về quy trình nghiệp vụ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Công văn số 9318/VPCP-KSTT ngày 21/12/2021 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ TTTT về việc hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0).

Tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số; 80% cơ quan nhà nước các cấp hoàn thành thiện chính quyền điện tử.

Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp, hợp tác xã; khuyến khích phát triển các mô hình kinh doanh mới.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ trung ương đến cơ sở. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

Huy động các nguồn lực xã hội để hỗ trợ thúc đẩy chuyển đổi số cho tỉnh; ưu tiên đối với phát triển kinh tế số, xã hội số.

Triển khai các giải pháp phát huy mạng lưới Tổ công nghệ số cộng đồng của tỉnh hỗ trợ triển khai nhanh, có hiệu quả về chính phủ số, kinh tế số và xã hội số đến cấp cơ sở, phường, xã, khóm, ấp.

4.6. Về An toàn thông tin mạng

Nâng cao trách nhiệm tự bảo vệ hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chủ quản hệ thống thông tin với trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Đội ứng cứu làm nòng cốt hỗ trợ, ứng cứu sự cố mất an toàn thông tin mạng; Tổ chức diễn tập; đào tạo cập nhật kiến thức An toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách CNTT và các thành viên Đội ứng cứu.

Triển khai Dự án Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng hoạt động hiệu quả; Nâng chỉ số xếp hạng an toàn thông tin của tỉnh.

Tiếp tục triển khai chuyển đổi IPv6 hệ thống mạng, dịch vụ hệ thống mạng của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Triển khai Dự án bảo mật An toàn thông tin cho máy trạm (EndPoint) bao gồm các tính năng phát hiện, cảnh báo và xử lý mã độc, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản thông qua sử dụng các nền tảng Make in Viet Nam để bảo vệ người dân trên không gian mạng trước các nguy cơ, mối đe dọa về an toàn thông tin và lừa đảo trực tuyến. Tạo niềm tin số để người dân, doanh nghiệp và Chính phủ sẵn sàng lên môi trường mạng tạo thành công cho chuyển đổi số.

Tổ chức công tác diễn tập thực chiến, công tác Pentest hệ thống.

Hoàn thành khắc phục lỗ hổng bảo mật an toàn thông tin hệ thống thông tin kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ kết nối chính thức khai thác dịch vụ chia sẻ dữ liệu dân cư từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh An Giang theo quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Đầu tư nguồn lực, thường xuyên nâng cấp hệ thống, cập nhật bản quyền, nâng cao nhận thức và kỹ năng an toàn, an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên

chức và người lao động. Tối thiểu 1 năm/1 lần tổ chức diễn tập, hướng dẫn, kiểm tra, ứng phó và ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng.

Giám sát, phát hiện và phối hợp với cơ quan chức năng, các doanh nghiệp nền tảng số xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trong phạm vi quản lý.

Phát triển các website, trang mạng xã hội, tài khoản trên môi trường mạng uy tín, nhiều tương tác để tuyên truyền, định hướng thông tin, dư luận và phản bác hiệu quả các thông tin tiêu cực về đất nước, con người Việt Nam.

Kiểm tra phương án đảm bảo an toàn thông tin của hệ thống thông tin cơ quan nhà nước theo cấp độ được phê duyệt.

4.7. Về triển khai các Chương trình Mục tiêu quốc gia; Triển khai kế hoạch về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025

Duy trì 100% xã trong tỉnh đạt chuẩn Nông thôn mới về TTTT; Nâng chất xã Nông thôn mới đạt chuẩn nâng cao thuộc lĩnh vực TTTT theo hướng dẫn của sở TTTT và đề án An Giang điện tử.

Tổ chức triển khai “Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2024 và giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh An Giang (Nội dung: Giảm nghèo về thông tin)”; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 420/KH-UBND ngày 25/5/2023 của Ủy ban nhân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang; theo đó, hỗ trợ các địa phương thực hiện mô hình xã thông minh.

4.8. Về phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu

4.8.1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền

Công Thông tin điện tử các sở, ngành tỉnh: Thường xuyên đăng tin các bài ảnh về tình hình thiên tai, những kiến thức cơ bản về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.

Đài Phát thanh – Truyền hình An Giang:

+ Lồng ghép các chương trình thời sự các chuyên mục về các biện pháp, nâng cao nhận thức cộng đồng đối với công tác PCTT và BDKH, các loại hình thiên tai (lũ, sạt lở đất, giông lốc, hạn hán, xâm nhập mặn, nắng nóng..) nhằm chủ động trong việc phòng chống và tìm kiếm cứu nạn hiệu quả.

+ Tuyên truyền, biểu dương kịp thời các tập thể cá nhân, gương điển hình tiên tiến trong công tác phòng chống lụt bão, giới thiệu gương người tốt, việc tốt, các hoạt động từ thiện, nhân đạo, cứu trợ, chia sẻ, giúp đỡ những người bị nạn, khắc phục khó khăn, khôi phục sản xuất, khôi phục thông tin liên lạc, lưới điện, các công trình giao thông công cộng, trường học, trạm y tế, vệ sinh môi trường. Tiếp nhận các thông tin phản hồi của các tầng lớp nhân dân để phối hợp với các cơ quan chức năng kịp thời giải quyết.

+ Đặc biệt quan tâm tới cột anten phát thanh, phát hình, hệ thống truyền dẫn thu lôi, tiếp địa... đảm bảo luôn hoạt động tốt.

+ Duy tu, bảo dưỡng hệ thống lưới điện, hệ thống máy phát điện dự phòng, đảm bảo tốt hệ thống đường dây cung cấp điện khi có sự cố xảy ra.

+ Duy trì, ổn định nguồn kinh phí bảo trì, bảo dưỡng các trạm truyền dẫn phát sóng, có kế hoạch chuẩn kinh phí, vật tư để kịp thời sửa chữa, khắc phục hậu quả do bão lũ, thiên tai xảy ra.

+ Phân công cán bộ làm việc và bảo vệ cơ quan đảm bảo xử lý tốt các tình huống ảnh hưởng do bão lũ, thiên tai.

Báo An Giang: Tăng cường thời lượng thông tin về tình hình khí tượng thủy văn, các hoạt động phòng chống thiên tai, các tấm gương anh hùng về tìm kiếm cứu nạn trên Báo giấy, Báo Điện tử; Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu.

Đài Truyền thanh huyện, thị xã, thành phố:

+ Thường xuyên đưa tin cập nhật các tin tức, chuyên mục về tình hình thời tiết, theo dõi sát diễn biến, tình hình thời tiết xấu, vùng áp thấp, lũ, lụt, giông, bão cho người dân.

+ Tuyên truyền những kiến thức cơ bản về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai để nhân dân biết và chủ động phòng tránh. Nhất là những kiến thức phòng tránh bão, vì đặc trưng khu vực đồng bằng sông Cửu Long ít bão, dẫn đến sự chủ quan, lơ là, mất cảnh giác của người dân trong công tác phòng chống lụt bão.

+ Kiện toàn các thiết bị thông tin dự phòng, đảm bảo kịp thời ứng cứu, phục vụ thông tin liên lạc thông suốt trong mọi tình huống thiên tai xảy ra.

Phòng Văn hóa – Thông tin: Phối hợp kiểm tra các nội dung thông tin, các bài, chuyên mục phóng sự của đài phát thanh huyện, xã cập nhật đúng, đầy đủ tình hình diễn biến thiên tai, tránh gây những nhiều ảnh hưởng xấu tiêu cực đến tâm lý của nhân dân.

4.8.2. Các doanh nghiệp ngành thông tin và truyền thông

Xác định công tác phòng chống thiên tai là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng, phát triển mạng lưới bưu chính viễn thông.

Đảm bảo thông tin liên lạc trong điều kiện bình thường và trước khi có thiên tai, trong khi có thiên tai và sau khi có thiên tai, giai đoạn khắc phục hậu quả thiên tai. Tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo, điều hành công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Ủy ban nhân dân.

Kiểm tra, bảo dưỡng các trang thiết bị, thông tin liên lạc, phương tiện và các thiết bị dự phòng (kể cả máy nổ, xăng dầu phục vụ cấp nguồn cho các hệ thống thông tin trong trường hợp mất điện dài ngày), sẵn sàng phục vụ đảm bảo thông tin liên lạc cho công tác chỉ đạo điều hành trong mọi tình huống.

Tiếp tục thực hiện chủ trương nâng tầng, kiên cố hóa nhà trạm, phòng máy, ngầm hóa mạng ngoại vi, tăng cường công tác kiểm tra, bảo dưỡng trang thiết bị, mạng lưới viễn thông, tăng cường năng lực mạng thông tin di động phục vụ công tác PCTT và BDKH.

Tổ chức lập danh sách các số máy điện thoại Ban chỉ huy PCTT-TKCN của địa phương, các đài, trạm khí tượng thủy văn để ưu tiên xử lý khi có sự cố.

Bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ lực lượng vũ trang tham gia công tác PCTT và BDKH.

Nâng cao chất lượng và mở rộng vùng phủ sóng điện thoại di động khu vực chậm lũ, phân lũ.

Đảm bảo tốt thông tin trong mùa mưa bão, đặc biệt là các trạm nút, trạm có đa dịch vụ, trạm cấp luồng cho các đơn vị quân đội.

4.8.3. Tiếp tục thực hiện đầu tư, nâng cấp, sửa chữa hệ thống đài truyền thanh cấp huyện và xã.

4.8.4. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ phóng viên, nhân viên đài truyền thanh huyện, xã về kỹ năng sửa chữa, vận hành hệ thống trang thiết bị truyền thanh và kỹ năng viết tin, bài, câu chuyện truyền thanh, phóng sự truyền thanh.... Để thực hiện truyền thông tại địa phương, trong đó bao gồm tuyên truyền phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.

4.8.5. Tăng cường công tác phổ biến, quán triệt hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về PCTT và ứng phó BDKH đến toàn thể cán bộ, nhân viên ở tất cả các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong toàn ngành.

5. Kiến nghị, đề xuất: Tăng cường nguồn lực chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện năm 2024 là 260,891 tỷ đồng; Trong đó:

+ Vốn sự nghiệp: 36,3 tỷ đồng.

+ Vốn đầu tư: 224,591 tỷ đồng (Chi tiết xem Phụ lục II)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ các nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Kế hoạch này, yêu cầu các Phòng và Trung tâm thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, phấn đấu đạt các chỉ tiêu ngành trong năm 2024; bố trí công việc gắn với trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, đảm bảo tất cả công việc được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các chương trình chuyển đổi số, dự án công nghệ thông tin đảm bảo đúng tiến độ.

2. Phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Phòng Công nghệ Thông tin – Bưu chính Viễn thông: Chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ 4.2, 4.3, 4.4, 4.5.

- Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: Chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ 4.1, 4.8.

- Phòng Kế hoạch – Tài chính: Chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ 4.7.

- Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ 4.6.

3. Lồng ghép các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trên vào Kế hoạch công tác (kế hoạch 6 tháng, năm) của Phòng, Trung tâm và thực hiện báo cáo định kỳ với Ban Giám đốc (thông qua phòng Kế hoạch Tài chính hoặc Văn Phòng Sở) đúng thời gian quy định; Văn phòng Sở (Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng của Sở) có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện Kế hoạch này, đưa các nhiệm vụ, nội dung công việc được giao cho các Phòng và Trung tâm trong Kế hoạch này vào tiêu chí xét thi đua cuối năm.

Trên đây là Kế hoạch phát triển ngành thông tin và truyền thông năm 2024 của Sở Thông tin và Truyền thông./.

Nơi nhận:

- Sở KHĐT;
- Cục Thống kê tỉnh;
- STTTT: BGD; các Phòng; TT CNTT;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Lê Quốc Cường

PHỤ LỤC I
Chỉ tiêu ngành Thông tin và Truyền thông năm 2024
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 69/KH-STTTT ngày 6 tháng 9 năm 2023)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Doanh thu Viễn thông, Bưu chính, Công nghệ thông tin, Báo chí, in, phát hành	>10%	CNTT-BCVT; TTBCXB	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
II	Lĩnh vực Thông tin, truyền thông			
1	Tỷ lệ cán bộ làm công tác thông tin cơ sở cấp huyện và cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ để khai thác, biên soạn tài liệu, lưu trữ thông tin, quản lý và vận hành thiết bị kỹ thuật hiện đại phù hợp với vị trí việc làm	100%	TTBCXB	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
2	Tỷ lệ Đài Truyền thanh cấp huyện và đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT vào quản trị và vận hành hệ thống truyền thanh (Truyền thanh thông minh)	70% Đài Truyền thanh cấp huyện; 100% đài truyền thanh cấp xã	TTBCXB	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
3	Tỷ lệ hộ xem được Đài truyền hình VN	100%	TTBCXB	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
4	Tỷ lệ hộ nghe được Đài tiếng nói VN	100%	TTBCXB	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
5	Tỷ lệ hộ có phương tiện nghe, nhìn	100%	TTBCXB	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
6	Tỷ lệ hệ thống truyền thanh cơ sở phủ sóng khu dân cư	90%	TTBCXB	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
III	Lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông và tần số vô tuyến điện			
1	Tỷ lệ xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ và có kết nối Internet	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
2	Tỷ lệ hộ gia đình có đường internet cáp quang băng rộng	80%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT

3	Số thuê bao băng rộng di động/100 dân	70%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
4	Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân	23%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
5	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	75%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
IV	Lĩnh vực Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số			
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình (đủ điều kiện) được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
2	Tỷ lệ các giao dịch trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC được xác thực điện tử	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
3	Tỷ lệ số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử từ cấp xã, cấp huyện đến cấp tỉnh được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất với hệ thống thông tin các cấp chính quyền	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
4	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	>95%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
5	Rút ngắn thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử	30% - 50%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
6	Tỷ lệ thông tin quy hoạch được cập nhật, công bố, công khai cho người dân trên cổng thông tin, hệ thống công bố thông tin	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
7	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa	Phấn đấu 50%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
8	Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước được tuyên truyền, cập nhật kiến thức an toàn – an ninh thông tin	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT

9	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ	> 80%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
10	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	50%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
11	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
12	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục (không áp dụng đối với dữ liệu phục vụ công tác quân sự, quốc phòng)	50%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
13	Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa	30%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
14	Tỷ lệ CQNN hoàn thiện Chính quyền điện tử	70%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
15	Tỷ lệ các hệ thống thông tin của các tổ chức được phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn thông tin theo Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT của Bộ TTTT về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
16	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	30%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
17	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số	90%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
18	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số	30%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
V	Tỷ lệ thực hiện thanh, kiểm tra định kỳ, đột xuất ngành thông tin và truyền thông so với Kế hoạch	100%	Thanh tra	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT

PHỤ LỤC II
Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2024
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 69/KH-STTTT ngày 6 tháng 9 năm 2023)

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Nhu cầu kinh phí năm 2024	Ghi chú
I	Các dự án do Sở làm chủ đầu tư theo Chương trình số 553/Ctr-UBND ngày 09/9/2021			
1	Dự án Trung tâm dữ liệu, điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang	Sở TTTT	40.444	
2	Dự án Số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực	Sở TTTT	6.440	
II	Các dự án triển khai Đề án 06 theo Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 25/6/2022 của Bộ TTTT			
3	Hệ thống giám sát an toàn không gian mạng (SOC)	Sở TTTT	25.500	
4	Hệ thống bảo mật Endpoint	Sở TTTT	30.000	
III	Các dự án khác			
5	Dự án đầu tư, mua sắm trang thiết bị CNTT phục vụ chuẩn hóa mô hình thiết kế	Sở TTTT	30.000	
6	Dự án đầu tư, mua sắm trang thiết bị CNTT phục vụ số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho huyện Chợ Mới	UBND huyện Chợ Mới	396	
7	Dự án đầu tư, mua sắm trang thiết bị CNTT phục vụ số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa các cấp huyện Tri Tôn	UBND huyện Tri Tôn	830	
8	Dự án Nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Châu Phú	UBND huyện Châu Phú	998	
9	Dự án Nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Thoại Sơn	UBND huyện Thoại Sơn	900	
10	Tạo quỹ đất và đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh An Giang	Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	89.583	
	Tổng cộng		224.591	